

Chủ đề 3 PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

Bài 10 PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 (6 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

* Kiến thức

- Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng là “gộp lại”, là “thêm vào”. Biết tìm kết quả phép cộng trong phạm vi 10 bằng cách đếm tất cả hoặc đếm thêm.
- Bước đầu nhận biết được đặc điểm của phép cộng với 0: số nào cộng với 0 cũng bằng chính số đó, 0 cộng với số nào cũng bằng chính số đó. Vận dụng được đặc điểm này trong thực hành tính.
- Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 10.
- Biết tính và tính được giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính cộng (theo thứ tự từ trái sang phải).
- Bước đầu nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua các công thức số (dạng $3 + 4 = 4 + 3$). Vận dụng tính chất này trong thực hành tính.

* Phát triển năng lực

- Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.
- Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của bài toán.

II CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng dạy Toán 1 của GV.
- Bộ đồ dùng học Toán 1 của HS.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

1. Khám phá: Gộp lại thì bằng mấy?

- a) Hình thành “khái niệm” ban đầu của phép cộng theo ý nghĩa là *gộp lại*. Cách tìm kết quả phép cộng dựa vào phép đếm và đếm tất cả.

- GV cho HS quan sát hình vẽ trong SGK để các em tự nêu vấn đề (bài toán) cần giải quyết. Chẳng hạn, các em có thể nêu: Bạn Nam có 3 quả bóng bay, bạn Mai có 2 quả bóng bay. Gộp lại, cả hai bạn có bao nhiêu quả bóng bay?
- GV hướng dẫn HS tự nêu câu trả lời: cả hai bạn có 5 quả bóng bay hay gộp lại có 5 quả bóng bay. GV nêu đầy đủ: 3 quả bóng và 2 quả bóng là 5 quả bóng. GV gọi một vài HS nhắc lại.
- Tương tự như trên, GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK hoặc lấy 3 chấm tròn màu đỏ và 2 chấm tròn màu xanh trong bộ đồ dùng học tập để nêu được: 3 chấm tròn và 2 chấm tròn là 5 chấm tròn.
- GV nêu: “3 chấm tròn và 2 chấm tròn là 5 chấm tròn; 3 và 2 là 5”. Gọi một vài HS nêu lại “3 và 2 là 5”.
- GV nêu “Ta viết 3 và 2 là 5 như sau: $3 + 2 = 5$ (viết lên bảng), đọc là: ba cộng hai bằng năm”. GV chỉ vào dấu + và nói dấu này là dấu cộng.
- GV gọi một vài HS đọc phép tính $3 + 2 = 5$. GV gọi HS lên bảng viết $3 + 2 = 5$ và đọc phép tính. GV có thể gọi một vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi “ba cộng hai bằng mấy?”.
- b) - GV cho HS quan sát hình vẽ trong SGK để các em tự nêu được 1 ô tô màu vàng và 3 ô tô màu đỏ là 4 ô tô (dựa vào đếm tất cả). GV cho HS đọc phép tính $1 + 3 = 4$.
- GV gọi một vài HS lên bảng viết $1 + 3 = 4$ và đọc phép tính.
- GV gọi một vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi “một cộng ba bằng mấy?”.

2. Hoạt động

Bài 1:

- Bài này nhằm củng cố “khái niệm” phép cộng theo ý nghĩa là gộp lại, tìm kết quả phép cộng dựa vào phép đếm tất cả.
- GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HS làm bài và chữa bài theo từng phần. GV có thể hướng dẫn HS quan sát, mô tả nội dung từng hình để tìm được số thích hợp trong ô. Chẳng hạn: a) 1 quả táo màu đỏ và 1 quả táo màu xanh là 2 quả táo. Vậy số thích hợp trong ô là 2 ($1 + 1 = 2$). Sau khi chữa bài, GV cho HS đọc từng phép tính.

Bài 2:

- Dạng bài này nhằm giúp HS làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế.

– GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HS làm bài. GV có thể hướng dẫn HS quan sát từng hình vẽ trong SGK để nêu tình huống bài toán tương ứng, từ đó tìm được số thích hợp trong ô. Chẳng hạn:

a) Có 2 gấu bông màu vàng và 2 gấu bông màu đỏ. Hỏi có tất cả mấy gấu bông? Từ đó HS thấy được 2 và 4 là các số thích hợp ($2 + 2 = 4$).

b) Có 4 con vịt ở dưới nước và 1 con vịt ở trên bờ. Hỏi có tất cả mấy con vịt?

Từ đó HS thấy được 1 và 5 là các số thích hợp ($4 + 1 = 5$).

Bài 3:

– Bài tập này nhằm giúp HS biết biểu thị mối quan hệ giữa các số qua phép cộng, từ đó các em ghi nhớ các công thức cộng trong phạm vi 5.

– GV cho HS quan sát, nhận xét bài mẫu để nhận ra trong mỗi trường hợp đều có “cộng hai số ở hai ô dưới được số ở ô trên”.

– GV cho HS làm rồi chữa bài. Sau mỗi phần, GV gọi HS đọc các phép tính đó.

Tiết 2. Luyện tập

Bài 1:

– Bài này nhằm giúp HS hình thành các phép cộng có kết quả bằng 6.

– GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài và hướng dẫn HS nêu cách tìm kết quả của từng phép tính (đếm tất cả). Sau đó cho HS làm bài rồi chữa bài.

– Sau khi chữa bài, GV yêu cầu HS nêu lần lượt các phép cộng trong bài để nhận ra các phép cộng có kết quả bằng 6, chẳng hạn: năm cộng một bằng sáu, bốn cộng hai bằng sáu,...

Bài 2:

– Bài này nhằm giúp HS củng cố phép cộng trong phạm vi 6.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Sau khi làm bài, GV có thể yêu cầu HS đổi vở cho nhau để kiểm tra, chữa bài.

Bài 3:

– Dạng bài này nhằm giúp HS làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế.

– GV giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HS làm bài. GV có thể hướng dẫn HS quan sát từng hình vẽ trong SGK để nêu tình huống bài toán tương ứng, từ đó tìm được số thích hợp với dấu “?” trong ô. Chẳng hạn:

a) Có 3 con thỏ trắng và 1 con thỏ vàng. Hỏi có tất cả mấy con thỏ?

Bài 4:

- Bài này nhằm giúp HS củng cố phép cộng trong phạm vi 6.
 - GV giải thích yêu cầu của đề bài : Tìm số thích hợp trong ô. GV hướng dẫn HS tìm số thích hợp dựa vào các phép cộng đã học. Chẳng hạn, GV hỏi “1 cộng mấy bằng hai?” để HS nhận ra số phải tìm là 1. Sau đó cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Sau khi làm bài, GV có thể yêu cầu HS đổi vở cho nhau để kiểm tra, chữa bài.

Tiết 3

1. Khám phá: Thêm vào thì bằng mấy?

Hình thành “khái niệm” ban đầu của phép cộng theo ý nghĩa là *thêm*. Cách tìm kết quả phép cộng dựa vào “đếm thêm”.

- GV cho HS quan sát hình vẽ trong SGK để các em tự nêu vấn đề cần giải quyết. Chẳng hạn: Lúc đầu trong bình có 5 bông hoa, cắm thêm 2 bông hoa nữa. Vậy trong bình có tất cả mấy bông hoa?
- GV để HS tự nêu câu trả lời: 5 bông hoa thêm 2 bông hoa được 7 bông hoa. Có tất cả 7 bông hoa. GV gọi một vài HS nhắc lại.
- Tương tự như trên, GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK hoặc lấy 5 chấm tròn màu đỏ rồi lấy thêm 2 chấm tròn màu xanh trong bộ đồ dùng học tập để nhận ra 5 chấm tròn thêm 2 chấm tròn bằng 7 chấm tròn. GV nêu: Muốn biết có tất cả mấy chấm tròn ta đếm tất cả các chấm tròn, nhưng còn có cách đếm khác nhanh hơn đó là “đếm thêm” bắt đầu từ 5 (5 chấm tròn màu đỏ): 5, 6, 7. Vậy có tất cả 7 chấm tròn.
- GV nêu: “5 chấm tròn thêm 2 chấm tròn bằng 7 chấm tròn hay 5 thêm 2 bằng 7”. Gọi một vài HS nêu lại “5 thêm 2 bằng 7”.
- GV nêu “5 thêm 2 bằng 7, ta cũng viết là: $5 + 2 = 7$ (viết lên bảng), đọc là: năm cộng hai bằng bảy”.
- GV gọi một vài HS đọc phép tính $5 + 2 = 7$. GV có thể gọi một vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi “năm cộng hai bằng mấy?”.

Lưu ý: GV có thể nêu một số tình huống tương tự để hình thành phép cộng và tìm kết quả phép cộng bằng cách “đếm thêm”.

2. Hoạt động

Bài 1:

- Bài này nhằm củng cố “khái niệm” phép cộng theo ý nghĩa là thêm, cách tìm kết quả phép cộng dựa vào “đếm thêm”.

- GV giải thích yêu cầu của đề bài, cho HS nhắc lại yêu cầu của đề bài rồi cho HS làm bài và chữa bài theo từng phần. GV có thể hướng dẫn HS “mô tả nội dung” từng hình, thực hiện đếm thêm để tìm kết quả phép tính. Sau khi chữa bài, GV cho HS đọc từng phép tính.
- GV lưu ý HS khi tìm kết quả phép cộng bằng cách đếm thêm, để nhanh có kết quả ta bắt đầu đếm từ số lớn trong phép cộng đó. Chẳng hạn, để tìm kết quả phép cộng $2 + 4$ ta đếm thêm bắt đầu từ 4: 4, 5, 6 (đếm bắt đầu từ 2 sẽ phải đếm nhiều hơn: 2, 3, 4, 5, 6 và do đó dễ nhầm lẫn). GV có thể nêu một vài phép cộng để HS tìm kết quả dựa vào đếm thêm, chẳng hạn:

$$6 + 2, 3 + 5, \dots$$

Bài 2:

- Dạng bài này nhằm giúp HS làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế.
 - GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HS làm bài. GV có thể hướng dẫn HS quan sát từng hình vẽ trong SGK để nêu tình huống bài toán tương ứng rồi tìm số thích hợp trong ô. Chẳng hạn:
- Có 4 bạn đang chơi ở cầu trượt, có thêm 2 bạn đến chơi cùng. Hỏi có tất cả mấy bạn chơi cầu trượt?
 - Lúc đầu có 3 bạn đang chơi nhảy dây, sau đó thêm 3 bạn đến chơi cùng. Hỏi có tất cả mấy bạn chơi nhảy dây?

Bài 3:

- Bài này nhằm củng cố và hình thành các phép cộng trong phạm vi 10. HS sử dụng đếm thêm để tìm kết quả phép tính.
- GV có thể tổ chức cho HS làm bài tập này như một trò chơi: HS chơi theo từng cặp và tự đánh giá ai làm nhanh và đúng.

Đáp án: Bài 2: a) $4 + 2 = 6$; b) $3 + 3 = 6$.

Tiết 4

1. Khám phá: Số 0 trong phép cộng

- GV cho HS quan sát hình trong SGK, nêu bài toán rồi trả lời, chẳng hạn:
- Đĩa thứ nhất có 4 quả cam, đĩa thứ hai có 0 quả cam. Hỏi cả hai đĩa có mấy quả cam?
GV gợi ý để HS nêu “4 quả cam và 0 quả cam là 4 quả cam” hay “bốn cộng không bằng bốn”. GV viết lên bảng phép tính $4 + 0 = 4$ rồi cho HS đọc phép tính.
 - Hướng dẫn tương tự như câu a.

- Sau khi làm xong cả hai phần, GV có thể nêu thêm một vài phép cộng với 0, yêu cầu HS tính kết quả.

Chẳng hạn, tính: $1 + 0$; $0 + 1$; $3 + 0$; $0 + 3$.

Từ đó GV giúp HS nhận ra: “một số cộng với 0 bằng chính số đó” và “0 cộng với một số bằng chính số đó”.

2. Hoạt động

Bài 1:

- Bài này nhằm giúp HS củng cố cách thực hiện phép cộng trong phạm vi 10.
- GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài rồi làm bài.
- Sau khi chữa bài, GV cho HS đọc từng phép cộng, chẳng hạn: 0 cộng 4 bằng 4,...

Lưu ý: Có thể cho HS nhận xét để nhận ra: Các phép cộng ở cột thứ nhất đều có kết quả bằng 4, các phép cộng ở cột thứ hai đều có kết quả bằng 5, các phép cộng ở cột thứ ba đều có kết quả bằng 6.

Bài 2:

- Bài này nhằm giúp HS hình thành các phép cộng có kết quả bằng 7.
- GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài rồi làm bài. GV giúp HS tìm ra kết quả của từng phép tính dựa vào các phép cộng đã biết hoặc đếm thêm.
- Sau đó GV yêu cầu HS nêu lần lượt các phép cộng trong bảng, chẳng hạn: $6 + 1 = 7$, $5 + 2 = 7$,...

Bài 3:

- Bài này nhằm giúp HS làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế.
- GV cho HS quan sát từng hình vẽ trong SGK, nêu tình huống bài toán tương ứng rồi tìm số thích hợp.

Lưu ý: Mục tiêu của dạng bài tập này là giúp HS hình thành năng lực biểu thị một tình huống bài toán tương ứng với hình vẽ bằng một phép cộng. HS có thể nêu các tình huống bài toán khác nhau, nên có thể viết các phép cộng khác nhau. Vì vậy, GV không áp đặt HS theo ý của GV, điều quan trọng là giúp HS biết chọn phép cộng phù hợp với tình huống bài toán mà các em đã nêu.

Bài 4:

- Dạng bài này giúp HS củng cố các phép cộng đã học. HS có thể sử dụng các đồ dùng trực quan như que tính, ngón tay,... hoặc đếm thêm để tìm kết quả phép tính.
- GV cho HS thực hiện từng phép tính, rồi tìm ngôi nhà ghi kết quả phép tính đó. Ngôi nhà đó chính là chuồng của thỏ.

Lưu ý:

- GV có thể thay các phép cộng đã cho bằng các phép cộng khác đã biết và các số tương ứng là kết quả của các phép cộng đó để HS được củng cố nhiều phép cộng hơn.
- GV có thể tổ chức cho HS làm bài này dưới dạng “trò chơi”: Nối mỗi chú thỏ với chuồng thích hợp.

Đáp án: Bài 3: a) $5 + 0 = 5$ hoặc $0 + 5 = 5$; b) $3 + 4 = 7$ hoặc $4 + 3 = 7$.

Tiết 5. Luyện tập

Bài 1:

- Bài này nhằm củng cố tìm kết quả phép cộng và giúp HS nhận biết bước đầu tính chất giao hoán của phép cộng dưới dạng công thức số.
- GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HS làm bài và chữa bài theo từng phần. GV có thể hướng dẫn HS “mô tả nội dung” từng hình rồi tìm kết quả của phép tính. Chẳng hạn: a) 6 quả cam màu vàng và 2 quả cam màu xanh là 8 quả cam ($6 + 2 = 8$, $2 + 6 = 8$). Khi chữa bài, GV cho HS nhận xét kết quả của hai phép cộng đó: $6 + 2$ và $2 + 6$ cùng có kết quả bằng 8 để nhận ra $6 + 2 = 2 + 6$ hay “Khi đổi chỗ các số trong phép cộng, kết quả không thay đổi”. Từ đó, khi biết $6 + 2 = 8$ ta có ngay $2 + 6 = 8$.

Bài 2:

- Bài này nhằm giúp HS hình thành các phép cộng có kết quả bằng 8.
- GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài rồi làm bài. GV có thể hướng dẫn HS làm theo từng cột và tìm kết quả phép tính thứ nhất dựa vào “đếm thêm” rồi suy ra kết quả phép tính thứ hai trong cùng cột.
- Sau đó GV yêu cầu HS nêu lần lượt các phép cộng trong bài.

Bài 3:

- Bài này nhằm giúp HS hình thành các phép cộng có kết quả bằng 9.
- GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài rồi làm bài. GV hướng dẫn HS tìm ra kết quả của từng phép tính dựa vào “đếm thêm” hoặc phép cộng đã biết.
- Sau đó GV yêu cầu HS nêu lần lượt các phép cộng trong bảng, chẳng hạn: $9 + 0 = 9$, $8 + 1 = 9, \dots$

Bài 4:

- Bài này nhằm giúp HS làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế.

- GV cho HS quan sát từng hình vẽ trong SGK, nêu tình huống bài toán tương ứng rồi viết phép tính thích hợp với tình huống đã nêu. Chẳng hạn: a) Có 4 con bướm đang đậu và có 4 con bướm bay tới. Hỏi tất cả có mấy con bướm?
- GV không áp đặt HS theo ý của mình, điều quan trọng là giúp HS viết được phép tính phù hợp với tình huống bài toán mà các em đã nêu.

Trò chơi: Cặp tấm thẻ anh em

- Trò chơi này nhằm giúp HS củng cố các phép cộng trong phạm vi 10.
- Trước khi tổ chức cho HS chơi, GV đọc và giải thích nội dung của trò chơi sau đó hướng dẫn để HS nêu cách chơi. GV tổ chức chơi theo từng nhóm từ 4 đến 6 HS, mỗi cuộc có 2 HS tham gia chơi, các HS còn lại giám sát và đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá chung sau khi kết thúc trò chơi.

Lưu ý:

- Sau một vài cuộc chơi, GV có thể thay các tấm thẻ khác chứa các phép cộng tương ứng có cùng kết quả với các tấm thẻ đã cho để HS được củng cố nhiều phép cộng hơn.
- Tùy điều kiện thời gian, trò chơi có thể lặp lại nhiều lần. Tuy nhiên, cần dành thời gian để tất cả HS đều được chơi ít nhất một lần.

Đáp án: Bài 4: a) $4 + 4 = 8$; b) $3 + 6 = 9$ hoặc $6 + 3 = 9$.

Tiết 6. Luyện tập

Bài 1:

- Bài này nhằm giúp HS hình thành các phép cộng có kết quả bằng 10.
- GV cho HS nêu yêu cầu của đề bài rồi làm bài. GV hướng dẫn HS tìm ra kết quả của từng phép tính dựa vào các phép cộng đã biết hoặc “đếm thêm”.
- Sau đó GV yêu cầu HS nêu lần lượt các phép cộng trong bảng, chẳng hạn: $9 + 1 = 10$, $8 + 2 = 10, \dots$
- GV có thể yêu cầu HS nêu kết quả của từng phép cộng sau: $4 + 6$, $3 + 7$, $2 + 8$, $1 + 9$.

Bài 2:

- a) - GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Sau khi chữa bài, GV yêu cầu HS đọc hai phép tính ở từng cột.
- b) GV hướng dẫn HS cách làm bài rồi chữa bài, chẳng hạn: $4 + \boxed{?} = 7$. GV hỏi: “4 cộng mấy bằng 7?”.

Từ đó, HS nêu được: 4 cộng 3 bằng 7 nên số phải tìm là 3.

Bài 3:

*) – GV nêu yêu cầu của đề bài, rồi cho HS quan sát bức tranh, từ đó tự nêu được bài toán theo tình huống như trong SGK.

– GV hướng dẫn để HS nhận ra:

+ “3 bông hoa và 1 bông hoa là 4 bông hoa”, vì $3 + 1 = 4$.

(GV hỏi: 3 bông hoa và 1 bông hoa là mấy bông hoa?)

+ “4 bông hoa và 2 bông hoa là 6 bông hoa”, vì $4 + 2 = 6$.

(GV hỏi: 4 bông hoa và 2 bông hoa là mấy bông hoa?)

Vậy có tất cả 6 bông hoa.

– GV giới thiệu: Ta có thể viết: $3 + 1 + 2 = 6$ (nhầm là: $3 + 1 = 4$, $4 + 2 = 6$).

*) – GV hướng dẫn HS cách làm, chẳng hạn:

GV chỉ vào $1 + 2 + 2$ nêu: “Ta phải làm bài này như thế nào?”

Ta làm như sau: lấy 1 cộng 2 bằng 3 rồi lấy 3 cộng 2 bằng 5.

Vậy $1 + 2 + 2 = 5$.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Bài 4:

– GV nêu yêu cầu của đề bài, gọi HS nhắc lại.

– GV hướng dẫn để HS nêu cách làm: Tính kết quả của các phép cộng đã cho rồi nêu các quả bóng chứa phép tính có kết quả bằng 10.

– GV cho HS làm bài rồi chữa bài. Khi chữa bài, yêu cầu HS chỉ vào từng quả bóng có kết quả bằng 10 và đọc phép tính.

Bài 5:

– Bài này nhằm giúp HS phát triển khả năng quan sát, dự đoán, khái quát hoá. Đây là bài tập khó, dành cho HS khá, giỏi nên GV không yêu cầu bắt buộc tất cả HS phải làm.

– GV giải thích yêu cầu của đề bài. Khi làm bài này đòi hỏi HS phải biết quan sát, nhận xét để nhận ra mối liên hệ giữa các số trên tháp số.

– GV cho HS quan sát tháp số và dựa vào gợi ý của Rô-bốt để nhận ra: $4 + 1 = 5$, số 5 ở ô chính giữa và trên hai ô số 4 và 1; tương tự với $1 + 1 = 2$; $5 + 2 = 7$. Từ đó, tìm được số thích hợp trong các ô còn lại theo thứ tự từ dưới lên là: 1, 3, 10.

Lưu ý: Nếu không còn thời gian trên lớp thì GV gợi ý để HS nêu được nhận xét như trên, HS sẽ làm bài khi tự học.